

PHỤ LỤC 2
ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NĂM 2026

37. XÃ BẾN LÚC

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ TRÊN BẢNG GIÁ ĐẤT HIỆN HÀNH (đồng/m ²)	ĐVTV DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT (đồng/m2)
PHẦN I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG				
A	QUỐC LỘ (QL)			
1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Phước Toàn- Rạch Ông Nhông Rạch Ông Nhông - Ngã 3 Nguyễn Trung Trực Ngã ba Nguyễn Trung Trực - Võ Ngọc Quận Võ Ngọc Quận - Cầu Bến Lức	7.610.000 7.610.000 8.880.000 6.860.000	9.140.000 9.140.000 11.990.000 8.240.000
B	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)			
1	ĐT 830B (Đường Nguyễn Trung Trực)	QL 1A - Ranh xã Long Cang	6.830.000	8.200.000
2	ĐT 830C (HL 8)	Cuối đường Nguyễn Văn Siêu - Ranh xã Mỹ Yên	2.730.000	4.100.000
C	ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)			
	Đường Long Bình (đường Long Bình - Phước Tỉnh cũ)	Ranh xã Mỹ Yên - ĐT 830C	1.380.000	1.660.000
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC			
I	Các đường có tên			
1	Phan Văn Mãng (ĐT 830)	QL 1A - Nguyễn Trung Trực Nguyễn Trung Trực - Ranh xã Long Cang (cầu Long Kim)	9.430.000 6.500.000	12.730.000 9.750.000
2	Nguyễn Hữu Thọ (ĐT 830)	QL 1A - Cầu An Thạnh	21.750.000	29.360.000
3	Đường vào công ty Cơ khí Long An	QL 1A - Chân cầu Bến Lức cũ	3.630.000	4.360.000
4	Võ Công Tôn	QL 1A - Cầu An Thạnh	14.510.000	19.590.000
5	Huỳnh Châu Sỏ	UBND Thị trấn (cũ) - Đường Võ Ngọc Quận Đường Võ Ngọc Quận - cuối đường	9.900.000 6.600.000	14.850.000 8.910.000
6	Võ Ngọc Quận	Đường Huỳnh Châu Sỏ - Phạm Văn Ngũ	7.260.000	8.720.000
7	Phạm Văn Ngũ	Đường Võ Ngọc Quận - Cuối đường	6.600.000	7.920.000
8	Nguyễn Văn Tuôi	QL 1A - Nguyễn Trung Trực	8.260.000	11.150.000
9	Bà Chánh Thâu	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Hết ranh Thị trấn Bến Lức (cũ)	1.330.000	2.000.000
10	Nguyễn Văn Nhâm	Đường Bà Chánh Thâu - Hết ranh Thị trấn Bến Lức (cũ)	6.600.000	7.920.000
11	Mai Thị Non	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Đường Nguyễn Văn Tiếp	14.510.000	19.590.000
12	Nguyễn Văn Tiếp (trừ khu dân cư đường số 10)	QL 1A - Đường Nguyễn Văn Siêu	14.510.000	19.590.000
13	Đường Trần Thế Sinh	QL 1A - ĐT 830C	2.730.000	4.100.000
14	Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Hết ranh thị trấn Bến Lức (cũ) (kể cả một phần thuộc xã Thanh Phú)	13.190.000	17.810.000
15	Nguyễn Minh Trung (trừ KDC Mai Thị Non)	Ranh thị trấn Bến Lức (cũ) - Hết đường Nguyễn Minh Trung nối dài	7.260.000	8.720.000
16	Đường Lê Văn Vịnh	QL1A - Mai Thị Non	9.900.000	11.880.000
17	Đường số 11- Khu dân cư trung tâm thị trấn Bến Lức (cũ) (áp dụng cho phần đất ngoài dự án)	Đường số 11	11.700.000	14040000
18	Đường số 5- Khu dân cư Thuận Đạo (TT Bến Lức), (áp dụng cho phần đất ngoài dự án)	Đường số 5	1.490.000	1790000
	Các đường chưa có tên			
1	Đường An Thạnh - Tân Bửu	ĐT 830 - Cầu Rạch Tre Cầu Rạch Tre - Ranh Tân Bửu	1.230.000 1.100.000	1.850.000 1.490.000
2	Đường D1	Lê Văn Vịnh – Nguyễn Văn Tiếp	6.600.000	7.920.000
3	Đường Thanh Phú - Mỹ Yên	Từ ranh xã Mỹ Yên(Cầu Mỹ Yên) - ĐT 830C	1.230.000	1.480.000
III	Đường giao thông khác nền đường ≥ 3m, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		1.490.000	1.940.000
IV	Đường giao thông khác nền đường từ 2 đến < 3m, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		1.200.000	1.550.000
V	Đường giao thông khác nền đường ≥ 6m, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa			2.520.000
VI	Đường giao thông khác nền đất ≥ 3m			1.360.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ TRÊN BẢNG GIÁ ĐẤT HIỆN HÀNH (đồng/m ²)	ĐVTV DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT (đồng/m2)
VII	Đường giao thông có nền đường bằng đất từ 2 đến <3m			780.000
VIII	Đường giao thông có nền bằng đất ≥ 6m			1.750.000
E	KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG			
1	Khu chợ cũ Bến Lức	Mặt trước	3.310.000	3.980.000
		Mặt sau	1.670.000	2.010.000
2	Khu chợ mới Bến Lức	Đường Mai Thị Tốt, Bùi Thị Đồng	26.370.000	31.650.000
3	Khu dân cư Mai Thị Non (Trung tâm PTQĐ tỉnh)	Mặt tiền đường Nguyễn Hữu Thọ	21.750.000	29.360.000
		Đường Nguyễn Minh Trung	13.190.000	19.790.000
		Các đường từ số 1 đến số 14	9.900.000	13.370.000
4	Khu dân cư Thuận Đạo	Đường số 1	18.140.000	24.490.000
		Đường số 2	14.850.000	17.820.000
		Đường số 10, 11, 4A	13.190.000	15.830.000
		Đường số 9, 13, 8, 12	11.550.000	15.590.000
		Đường số 5, 7, 14, 4B	9.900.000	13.370.000
		Đường số 5 (quy hoạch)	1.490.000	1.790.000
5	Khu dân cư Long Kim 2	Đoạn Phan Văn Măng	16.330.000	19.600.000
		Đoạn giáp Nguyễn Trung Trực	14.850.000	17.820.000
		Đường số 1	13.190.000	19.790.000
		Đường số 2	9.900.000	13.370.000
		Các đường còn lại	8.260.000	9.920.000
6	Khu dân cư Trung tâm thị trấn Bến Lức (Giai đoạn 1)	Đường song hành tiếp giáp đường Trần Thế Sinh	13.190.000	15.830.000
		Đường số 1, 3, 6, 11	13.190.000	15.830.000
		Đường số 2	13.850.000	16.620.000
		Đường số 4, 5, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17	9.900.000	13.370.000
		Đường số 7, 8	11.550.000	15.590.000
		Đường số 9	10.560.000	14.260.000
7	Khu dân cư Trung tâm thị trấn Bến Lức (Giai đoạn 2)	Đường số 1, 3, 8 (thuộc thị trấn Bến Lức trước sáp nhập)	13.190.000	15.830.000
		Đường số 2	13.850.000	18.700.000
		Đường số 5, 6, 7, 9 (thuộc thị trấn Bến Lức trước sáp nhập)	9.900.000	14.850.000
		Đường số 4 (thuộc thị trấn Bến Lức trước sáp nhập)	10.560.000	14.260.000
		Đường song hành tiếp giáp đường Trần Thế Sinh (thuộc thị trấn Bến Lức trước sáp nhập)	13.190.000	17.810.000
8	Khu tái định cư và cao tầng đa chức năng (Công ty CP Đầu tư Nam Long - xã An Thạnh)	Các tuyến đường: ĐT 830, T1, N3	10.890.000	16.340.000
		Các tuyến đường:		
		N1 (từ ĐT 830 đến Đ1), N4, N13, Đ2, Đ3 (từ N3 đến N4), Đ5 (từ N3 đến N4)	8.180.000	12.270.000
		Các tuyến đường:		
		Đ1 (khu A7, A8, A9), Đ2', Đ5 (từ N4 đến N11), N9 (từ Đ2' đến Đ5), N11	6.820.000	10.230.000
		Các tuyến đường còn lại	5.450.000	7.360.000
9	Khu Tái định cư An Thạnh (Công ty Cổ Phần đầu tư Hoàng Long)	Các đường số 3, đường A, đường B, đường C	4.090.000	6.140.000
10	Khu dân cư Đường số 10	Đường Nguyễn Văn Tiếp	14.510.000	17.420.000
		Đường số 1	13.180.000	19.770.000
		Đường số 2	13.850.000	18.700.000
		Đường số 8	11.550.000	15.590.000
		Đường số 9	10.560.000	15.840.000
		Các đường còn lại	9.900.000	13.370.000
11	Khu dân cư Long Phú	Đường D1, D2, D3, D4, N2, N4	13.190.000	17.810.000
		Đường N1, N3	10.560.000	14.260.000
12	Khu dân cư Trần Anh Riverside	Đường D5, D4, D3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N11A	13.190.000	17.810.000
13	Khu dân cư Thương mại dịch vụ Trần Anh Riverside 2	Đường N3	11.700.000	14.040.000
		Đường D1	10.730.000	16.100.000
		Đường D2, D3, D4, D5, N1, N2	9.750.000	14.630.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ TRÊN BẢNG GIÁ ĐẤT HIỆN HÀNH (đồng/m ²)	ĐVTV DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT (đồng/m2)
14	Khu dân cư Hòn Ngọc Bên Sông	Đường số 7 (Mặt đường rộng 15m)	11.700.000	14.040.000
		Đường số 1 (Mặt đường rộng 8m)	10.730.000	14.490.000
		Các đường còn lại (Mặt đường rộng 6m)	9.750.000	13.160.000
15	Khu nhà ở chuyên gia - công nhân và dân cư Phú An Thạnh	Các đường nội bộ	4.090.000	4.910.000
16	Khu dân cư Thanh Phú 2	Các đường nội bộ	4.090.000	4.910.000
17	Khu đô thị mới Vàm Cỏ Đông (Khu Nam Long) do Công ty Nam Long VCD làm chủ đầu tư	Đường D2 (Đoạn từ D2-D4); Đường D4	11.440.000	13.730.000
		Đường D3 (Đoạn từ D2-V9); Đường D5	9.230.000	11.080.000
		Đường H7 (B1); Đường H1 (C1)	7.150.000	8.580.000
		Đường H4 (B1); Đường D6	6.500.000	7.800.000
		Đường H2 (B1); Đường H9 (B1); Đường H6 (C1); Đường V6 (B1); Đường V7 (B1); Đường V8 (B1); Đường V10 (C1).	5.850.000	7.020.000
18	Khu đô thị mới Vàm Cỏ Đông (Khu Southgate) do Công ty Cổ phần Southgate làm chủ đầu tư	Đường D1	14.040.000	16.850.000
		Đường D2	11.440.000	13.730.000
		Đường D7; Đường B2-D7; Đường D8; Đường D10	9.230.000	11.080.000
		Đường H3 (B1); Đường H7 (B1); Đường B2-D8; Đường B2-N3; Đường B2-N3-3; Đường H1 (C1); Đường H11 (C1); Đường H16 (C1)	7.150.000	8.580.000
		Đường H4 (B1); Đường E2-1	6.500.000	7.800.000
		Đường H1 (B1); Đường H2 (B1); Đường H5 (B1); Đường H6 (B1); Đường H8 (B1); Đường H9 (B1); Đường V1 (B1); Đường V2 (B1); Đường V3 (B1); Đường V4 (B1); Đường V5 (B1)	5.850.000	7.020.000
		Đường B2-N1-1; Đường B2-N1-2; Đường B2-N1-3; Đường B2-N1-4; Đường B2-N1-5; Đường B2-N1-6; Đường B2-N1-7; Đường B2-N1-8; Đường B2-N1-9; Đường B2-N1-10; Đường B2-N1-11; Đường B2-N1-12; Đường B2-N1-13; Đường B2-N1-14; Đường B2-N1-15; Đường B2-N1-16; Đường B2-N1-17; Đường B2-N2-1; Đường B2-N2-2; Đường B2-N2-3; Đường B2-N3-1; Đường B2-N3-2; Đường B2-N3-4	5.850.000	7.020.000
		Đường H2 (C1); Đường H3 (C1); Đường H4 (C1); Đường H5 (C1); Đường H7 (C1); Đường H8 (C1); Đường H9 (C1); Đường H10 (C1); Đường H12 (C1); Đường H13 (C1); Đường H14 (C1); Đường H15 (C1); Đường H17 (C1); Đường H18 (C1); Đường H19 (C1); Đường H20 (C1); Đường V1 (C1); Đường V2 (C1); Đường V3 (C1); Đường V4 (C1); Đường V5 (C1); Đường V6 (C1); Đường V7 (C1); Đường V8 (C1); Đường V9 (C1); Đường V10 (C1); Đường V11 (C1); Đường V12 (C1); Đường V13 (C1);	5.850.000	7.020.000
		Đường E2-2; Đường E2-3; Đường E2-4; Đường E2-5	5.850.000	7.020.000
		19	Khu dân cư Đạt Thuận Phát	Đường 1B, 4B, 7B, 9B
Đường nội bộ còn lại	5.200.000			7.800.000
20	Khu dân cư Tấn Long	ĐT 830	10.890.000	13.070.000
		Trục chính đường số 1	9.750.000	11.700.000
		Đường nội bộ còn lại	7.800.000	10.530.000
21	Khu dân cư Trần Anh Riverside	Đường D1		18.140.000
		Các đường còn lại		11.540.000
PHẦN II: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH				
Áp dụng giá đất tại PHẦN III				
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II			1.010.000	1310000